

KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA ÚC

ThS. LÊ VĂN HỒNG
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Lịch sử hình thành khung trình độ quốc gia Úc

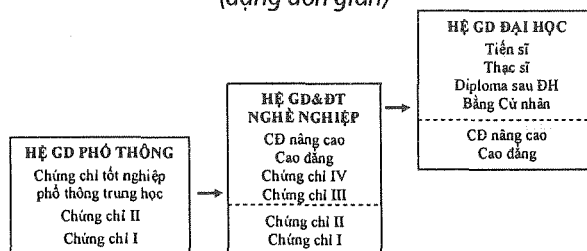
Khung trình độ quốc gia Úc (The Australian Qualifications Framework) lần đầu tiên được giới thiệu vào ngày 01 tháng 01 năm 1995 để củng cố hệ thống văn bằng quốc gia bao gồm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Nó được phát triển theo yêu cầu của Nhà nước, có chú ý đến đặc điểm của các bang, nhưng chịu sự quản lý thống nhất của Hội đồng Khung trình độ quốc gia Úc. Đến năm 2011, dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Khung trình độ quốc gia, hệ thống các phân hệ, các cấp độ trong khung trình độ quốc gia đã được sửa đổi để đảm bảo tính linh hoạt, mức độ liên kết, liên thông giữa các bậc học và các cấp trình độ của Úc và các nước khác trên thế giới.

Khung trình độ quốc gia Úc là một cấu trúc phân loại các bậc đào tạo và tương ứng với các loại văn bằng, chứng chỉ kèm theo được xác định bởi kết quả học tập. Hay nói cách khác Khung trình độ quốc gia Úc dựa vào chuẩn đầu ra để đưa ra 10 cấp độ với mức độ 1 có sự phức tạp thấp nhất và mức độ 10 thể hiện sự phức tạp cao nhất. Các cấp trình độ được xác định theo các tiêu chí được thể hiện như là kết quả học tập.

Ngoài ra, Úc còn có chương trình Tú tài quốc tế (International Baccalaureate). Hiện nay có khoảng 24 trường phổ thông công lập và tư nhân, giảng dạy chương trình của Tổ chức Tú Tài Quốc Tế (International Baccalaureate Organisation – IBO). Chỉ những trường được ủy quyền chính thức của Tổ chức Tú tài Quốc tế (IBO) mới được phép cung cấp chương trình giảng dạy tiến đại học kéo dài hai năm cho học sinh từ 16 đến 19 tuổi. Rất nhiều học sinh Úc và nước ngoài đã tham gia chương trình Tú tài Quốc tế IB Diploma để đủ điều kiện ghi danh vào các trường đại học nổi tiếng ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương [6]

Sơ đồ: Mô hình Khung trình độ quốc gia Úc

(dạng đơn giản)



(Ghi chú: GD: giáo dục; ĐT: đào tạo; CD: Cao đẳng; ĐH: Đại học)

Bảng 1: Các cấp trình độ trong khung trình độ quốc gia Úc

AQF Cấp	Mô tả	Trình độ chuyên môn	Thời gian
Cấp 10	Sinh viên tốt nghiệp ở cấp độ này với sự hiểu biết có hệ thống và sâu sắc về lí thuyết và thực hành, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ, v.v... cũng như những kĩ năng nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.	Bằng tiến sĩ	3 - 4 năm
Cấp 9	Sinh viên tốt nghiệp ở cấp này nắm vững lí thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.	Bằng thạc sĩ (mở rộng) Bằng thạc sĩ (môn học) Bằng thạc sĩ (nghiên cứu)	3 - 4 năm 1 - 2 năm 1 - 2 năm
Cấp 8	Sinh viên tốt nghiệp ở cấp độ này có kiến thức và kĩ năng nâng cao cho công tác chuyên môn có tay nghề cao.	Văn bằng tốt nghiệp Chứng chỉ tốt nghiệp Bằng cử nhân danh dự	1 - 2 năm 6 tháng – 1 năm 1 năm
Cấp 7	Sinh viên tốt nghiệp ở cấp này nắm vững kiến thức chuyên môn và có kĩ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.	Bằng cử nhân	3 - 4 năm
Cấp 6	Sinh viên tốt nghiệp ở cấp này có một kiến thức rộng và kĩ năng thành thạo nhằm phục vụ công tác chuyên môn có tay nghề cao.	Associate degree Advanced Diploma	2 năm 1,5 - 2 năm



Cấp 5	Sinh viên tốt nghiệp ở cấp độ này có kiến thức chuyên môn và kỹ năng cho công việc chuyên môn có tay nghề cao.	Diploma	1 - 2 năm
Cấp 4	Sinh viên tốt nghiệp ở cấp độ này có kiến thức lý thuyết và thực hành cũng như kỹ năng cho công việc chuyên ngành.	Chứng chỉ IV	6 tháng – 2 năm
Cấp 3	Sinh viên tốt nghiệp ở cấp độ này có kiến thức lý thuyết và thực hành cũng như kỹ năng để làm việc.	Chứng chỉ III	1 - 2 năm
Cấp 2	Sinh viên tốt nghiệp ở cấp độ này có kiến thức và kỹ năng làm việc trong một môi trường nhất định.	Giấy chứng nhận II	6 tháng – 1 năm
Cấp 1	Sinh viên tốt nghiệp ở cấp độ này có kiến thức và kỹ năng cho công việc ban đầu và/hoặc sự tham gia vào cộng đồng.	Chứng chỉ I	6 tháng - 1 năm

(Ghi chú: AQF: Australian Qualifications Framework – Hệ thống văn bằng Úc)

Bảng 2: Mô tả nội dung chứng chỉ tốt nghiệp phổ thông Úc

Senior Secondary Certificate of Education qualification type descriptor	
Mục đích	Giấy chứng chỉ tốt nghiệp phổ thông đủ điều kiện cho cá nhân có kiến thức, kỹ năng và có giá trị tích lũy kiến thức nhằm mục đích tiếp tục học tập lên các bậc học cao hơn hoặc tham gia vào thị trường lao động.
Kiến thức	Người có giấy chứng chỉ tốt nghiệp phổ thông có kiến thức cơ bản, phổ quát, cũng như kiến thức chuyên môn hẹp và kiến thức kỹ thuật nghề nghiệp ban đầu.
Kỹ năng	Đọc thông, viết thạo, làm tính thành thạo, có kỹ năng giao tiếp, sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng thể hiện kiến thức và ý tưởng với những người khác, kỹ năng sáng tạo ý tưởng mới.
Áp dụng kiến thức và kỹ năng	- Áp dụng kiến thức học được vào những tình huống cụ thể; - Làm việc và học tập suốt đời; - Tự chịu trách nhiệm cá nhân với hiệu quả công việc và kết quả học tập.
Khối lượng kiến thức học tập	Khối lượng kiến thức của một giấy chứng chỉ tốt nghiệp phổ thông thường là 2 năm.

2. Cấu trúc Khung trình độ quốc gia Úc

2.1. Các giấy chứng nhận tốt nghiệp phổ thông

Senior Secondary Certificate of Education (SSCE) là giấy chứng nhận tốt nghiệp phổ thông được cấp cho hầu hết các học sinh trường trung học ở Úc, tương đương với bằng trung học của Bắc Mỹ và các cấp độ A - Vương quốc Anh. Học sinh hoàn thành SSCE thường ở độ tuổi 16 đến 18 và học tập trung thời gian trong hai năm (năm 11 và 12 của trường trung học).

Chương trình giảng dạy, cách thức đánh giá và tên của các SSCE là khác nhau ở mỗi tiểu bang và lãnh thổ. Chính quyền của mỗi bang tự quyết định cho phù hợp với đặc điểm điều kiện địa phương, nhưng chương trình giảng dạy phải thỏa mãn được những điều kiện tối thiểu đã được thống nhất trong toàn quốc.

Bảng 3: Các loại chứng chỉ tốt nghiệp phổ thông trung học Úc

New South Wales (NSW)	Higher Education Certificate (HSC)
Northern Territory (NT)	Northern Territory Certificate of Education (NTCE)
Queensland (QLD)	Senior Certificate
South Australia (SA)	South Australian Certificate of Education (SACE)
Tasmania (TAS)	Tasmanian Certificate of Education (TCE)
Victoria (VIC)	Victorian Certificate of Education (VCE)
Western Australia (WA)	WA Certificate of Education

Các trường đại học Úc thường dựa vào kết quả SSCE và các cấp tương đương (Tertiary Entrance Rank tại tiểu Bang Victoria, Index: UAI ở New South Wales và Thủ đô Úc, và Tertiary Entrance Rank ở nơi khác) để gọi học sinh nhập học. Ngoài ra, Tú tài Quốc tế (IB) và Giáo dục Christian Accelerated (ACE), giấy chứng nhận lớp 12 học IB cũng được các trường đại học chấp nhận.

CÁC LOẠI CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP PHỔ THÔNG TRUNG HỌC ÚC	
Australian Capital Territory	ACT Year 12 Certificate

2.2. Các loại chứng chỉ nghề

2.2.1. Chứng chỉ Nghề cấp I (Certificate I)

Chứng chỉ Nghề cấp I chuẩn bị cho học sinh đảm trách một số hoạt động có tính cách thông lệ và được định hình cụ thể. Các ứng dụng của Chứng chỉ Nghề cấp I bao gồm một số các kĩ năng có liên quan đến công việc kể cả kĩ năng tìm kiếm thông tin và tham gia các hoạt động xã hội, các kĩ năng hướng dẫn bao quát và có thể bao gồm các kĩ năng trong môi trường làm việc theo nhóm.

2.2.2. Chứng chỉ Nghề cấp II (Certificate II)

Chứng chỉ Nghề cấp II trang bị cho học sinh kiến thức và những kĩ năng chuyên môn để có thể thực hiện một số công việc khác nhau, hoặc giúp học sinh áp dụng kiến thức trong những tình huống nhất định và mỗi tình huống đều có một số chọn lựa được xác định cụ thể. Học sinh sẽ phải chịu trách nhiệm phần nào về chất lượng kết quả thực hiện. Các ứng dụng có thể bao gồm một số công việc phức tạp hoặc các công việc mới lạ đòi hỏi trách nhiệm của mỗi cá nhân có thể được thể hiện qua tinh thần làm việc theo nhóm.

2.2.3. Chứng chỉ Nghề cấp III (Certificate III)

Chứng chỉ Nghề cấp III trang bị cho học sinh một số khả năng chuyên môn và kiến thức sâu rộng trong việc chọn lựa và áp dụng kiến thức, kĩ năng chuyên môn vào thực tế; cũng như đưa ra những giải pháp giải quyết một số vấn đề khá phức tạp trong những môi trường làm việc khác nhau.

Học sinh có khả năng phán đoán và quyết định trong trường hợp phải lựa chọn thiết bị, dịch vụ cũng như xử lí các tình huống có thể xảy ra trong học tập và làm việc. Các ứng dụng có thể bao gồm việc chịu trách nhiệm chung. Học sinh có thể thực tập theo nhóm hoặc được giao trách nhiệm phối hợp với các nhóm khác trong một số hoạt động.

2.2.4. Chứng chỉ Nghề cấp IV (Certificate IV)

Chứng chỉ Nghề cấp IV trang bị cho học sinh một số khả năng chuyên môn và kiến thức sâu rộng bao gồm nhiều hoạt động khác nhau trong những tình huống phức tạp và không theo thói quen nhất định. Học sinh có thể chứng tỏ khả năng học tập và làm việc độc lập, lãnh đạo và hướng dẫn nhóm, đồng thời có khả năng đưa ra hướng giải quyết chuyên môn cho các vấn đề mới phát sinh trong những tình huống bất ngờ.

Học sinh có khả năng thực hiện công việc phức tạp đòi hỏi những ứng dụng chuyên môn khác nhau có sự đánh giá và phân tích, phát triển các tiêu chuẩn và phương pháp làm việc mới cho những công việc hiện tại.

2.3. Các loại văn bằng tốt nghiệp

2.3.1. Văn bằng chuyên nghiệp (Diploma)

Chương trình học trang bị cho học sinh các kiến thức và khả năng chuyên môn sâu bao gồm các kĩ năng: lập kế hoạch, đề xuất các phương thức mới nhằm giải quyết các yêu cầu về quản lí và/hoặc chuyên môn. Học

sinh tốt nghiệp văn bằng chuyên nghiệp sẽ có đủ khả năng để tự áp dụng kiến thức và kĩ năng chuyên môn trong một số lĩnh vực đòi hỏi phải có trình độ cao, tức là học sinh có thể phán đoán khi cần phải hoạch định và chọn lựa trang thiết bị, các dịch vụ và các kĩ thuật thích hợp. Học sinh thường xuyên làm việc theo nhóm và hợp tác với các nhóm khác.

2.3.2. Bằng chuyên nghiệp nâng cao (Advanced diploma)

Chương trình học trang bị cho học sinh các kiến thức và khả năng chuyên sâu cho việc phân tích, phán đoán, thiết kế, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá đối với các chức năng có liên hệ về mặt quản lí và/hoặc chuyên môn.

2.3.3. Bằng tốt nghiệp nghề (Vocational Graduate Diploma)

Một số trường đại học cũng tổ chức những khóa cấp bằng tốt nghiệp nghề. Khóa học này có liên quan đến việc tự phát triển và đạt được những kiến thức và kĩ năng trong các lĩnh vực bao quát hoặc chuyên biệt dựa vào những kiến thức và kĩ năng đã có sẵn.

2.4. Các văn bằng bậc đại học

2.4.1. Associate Degree

Bằng Associate Degree là văn bằng kéo dài 2 năm. Học sinh có thể ghi danh theo học văn bằng này sau khi hoàn thành chương trình lớp 12, hoặc đã đạt chứng chỉ Nghề cấp III hoặc IV. Đây là văn bằng thứ cấp cho phép sinh viên hoàn tất trong thời gian ngắn hơn chương trình cử nhân. Với văn bằng này, sinh viên có thể tiếp tục chuyển sang chương trình cử nhân nhằm học tiếp phần lí thuyết cơ bản và chuẩn bị chuyên môn, hoặc tiếp tục chuyển sang chương trình văn bằng chuyên nghiệp nâng cao nhằm trau dồi những kĩ năng chuyên nghiệp.

2.4.2. Bằng cử nhân (Bachelor Degree)

Bằng cử nhân là văn bằng cơ bản bậc đại học và cũng là văn bằng cơ bản để được xếp vào thành phần chuyên nghiệp. Tuy nhiên, có một số nghề nghiệp đòi hỏi phải có thêm một số chứng chỉ chuyên môn phụ thì mới được công nhận.

Sinh viên tốt nghiệp ở cấp này nắm vững kiến thức chuyên môn và có kĩ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo. Chương trình học thường được thiết kế ở dạng mở và liên quan đến những môn học chính thuộc các ngành đào tạo.

2.4.3. Bằng cử nhân danh dự (Bachelor Degree Honours)

Sau khi đã tốt nghiệp cử nhân, học sinh có thể tiếp tục học thêm một năm nữa để lấy bằng cử nhân danh dự. Học sinh theo học các khóa học cử nhân kéo dài 4 năm hoặc lâu hơn cũng có thể được cấp bằng cử nhân danh dự nếu đạt kết quả xuất sắc trong suốt thời gian theo học.

2.4.4. Chứng chỉ sau đại học (Graduate Certificate)

Để lấy chứng chỉ sau đại học, thông thường sinh viên phải trau dồi khả năng chuyên môn đã được rèn luyện



trong chương trình đại học, hoặc phát triển kiến thức và tay nghề chuyên môn của một ngành nghề khác.

2.4.5. Văn bằng sau đại học (Graduate Diploma)

Để lấy văn bằng sau đại học, thông thường sinh viên phải trau dồi khả năng chuyên môn đã được rèn luyện trong chương trình đại học, hoặc phát triển kiến thức và tay nghề chuyên môn của một ngành nghề khác. Văn bằng này có thể được mô tả như là một văn bằng dành cho sinh viên có trình độ chuyên môn cao hơn nhờ biết thu thập kiến thức một cách có hệ thống và mạch lạc.

2.4.6. Bằng thạc sĩ (Masters Degree)

Để lấy bằng thạc sĩ, sinh viên cần phải nâng cao khả năng hoặc nghề nghiệp chuyên môn. Sinh viên có thể lấy bằng thạc sĩ qua công trình nghiên cứu, hoặc kết hợp giữa việc học và nghiên cứu. Theo lệ thường, chương trình học đòi hỏi sinh viên phải trau dồi kiến thức chuyên môn qua việc tự khảo cứu.

Thời gian học lấy bằng thạc sĩ là một năm cho những học sinh đã tốt nghiệp bằng cử nhân danh dự, hoặc 2 năm cho những học sinh chỉ tốt nghiệp bằng cử nhân. Các mô hình nghiên cứu thông thường phải trải qua một trong ba hình thức sau đây:

- Hoàn thành các môn học nhưng không cần thiết phải làm luận văn tốt nghiệp;
- Hoàn thành các môn học và làm luận văn tốt nghiệp;
- Cho phép chuyển đổi giá trị tích lũy tín chỉ đối với một số ngành nghề đặc thù (trong y khoa, chuyên khoa cấp 1...).

Các khóa học thạc sĩ được cung cấp bởi các trường đại học và một số lượng hạn chế của các nhà cung cấp khác đã đăng kí.

2.4.7. Bằng tiến sĩ (Doctoral Degree)

Bằng tiến sĩ là văn bằng cao nhất do các trường đại học tại Úc cấp. Mặc dù đây là văn bằng chuyên về nghiên cứu, một số chương trình tiến sĩ, ngoài công trình nghiên cứu, còn có các môn học kèm theo. Bằng tiến sĩ gồm có 3 phần:

- Một bản báo cáo về công trình nghiên cứu, thí nghiệm hoặc một phương pháp tiếp cận mới có hệ thống cho một lãnh vực nào đó;
- Một công trình nghiên cứu độc lập mà kết quả nghiên cứu đã có sự đóng góp quan trọng về mặt kiến thức và sự hiểu biết và/hoặc ứng dụng của kiến thức này trong một chuyên ngành hoặc một lĩnh vực học tập nào đó;
- Một luận án có trình tự và đầy đủ chi tiết chứng minh mối liên hệ của công trình nghiên cứu đối với một chuyên ngành hoặc lĩnh vực học tập trên một bình diện rộng lớn.

3. Những lợi ích của Khung trình độ quốc gia Úc

- Tạo ra được một hệ thống thống nhất các văn bằng liên quan đến hệ thống giáo dục của Úc và được

đảm bảo về chất lượng;

- Đưa ra điểm tham chiếu cho thông tin về trình độ, hệ thống đảm bảo chất lượng;

- Có hệ thống công nhận văn bằng, chứng chỉ quốc gia và quy đổi tương đương với văn bằng, chứng chỉ nước ngoài;

- Thúc đẩy sự hiểu biết và tăng cường niềm tin của công chúng trong các tiêu chuẩn và hệ thống trình độ được cấp tại Úc;

- Đơn giản hóa quá trình công nhận quốc tế tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển học tập cũng như công việc làm của sinh viên;

- Tạo điều kiện cho tính song phương, đa phương, về công nhận trình độ lẫn nhau;

- Hỗ trợ và cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch về các cấp trình độ cho mọi đối tượng xã hội cũng như các cá nhân, những người đã bỏ lỡ cơ hội giáo dục đại học;

- Cung cấp các nguyên tắc cho "chính sách học tập suốt đời".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Hội thảo – Tập huấn “Xây dựng khung trình độ chuyên môn quốc gia Việt Nam”*, 2012.
2. Lê Văn Hồng, Lê Đông Phương, *Sự cần thiết xây dựng Khung trình độ quốc gia Việt Nam trong xu thế hội nhập toàn cầu*, Tạp chí Giáo dục số 69, 2013.
3. Lê Văn Hồng, *Khung trình độ quốc gia Malaysia*, Tạp chí Giáo dục số 70, 2013.
4. Jack Keating, Andrea Bateman, Gerald Burke, Alison Vickers, *Tài liệu xây dựng khái niệm cho Khung trình độ khu vực ASEAN*, 2011.
5. http://en.wikipedia.org/wiki/National_Qualifications_Framework
6. http://en.wikipedia.org/wiki/Australia_Qualifications_Framework

SUMMARY

The Australian Qualifications Framework (AQF) was first introduced on January 1 1995 to underpin the national system of qualifications in Australia encompassing vocational education and higher education. AQF is a structure of classification for learning levels which correspond with accompanying degrees and certificates as determined by learning achievements. The learning levels are determined by criteria shown as learning achievements. In this article, the author has presented charts and tables related to qualifications framework model and the levels of qualifications therein. Also, the author presented in detail and structure of the Australian Qualifications Framework (AQF). Finally, the article emphasized the benefits brought about by this AQF.